

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

Bản án số: 20/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 24/4/2019

V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT, TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Thái Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thu Hương
2. Bà Nguyễn Thị Viết Sáu

Thư ký phiên toà: Bà Ngô Thái Hà – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tp Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: bà Nguyễn Thị Thúy An – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 712/2018/TLST-HNGĐ ngày 05/12/2018, về việc: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2019/QĐST-HNGĐ ngày 08/4/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Phạm Thị L, sinh năm 1991; (có mặt)

Địa chỉ: KP5, phường VH, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Ninh Thuận.

2. Bị đơn: ông Lê Hữu T, sinh năm 1989 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Kp5, phường ĐL, tp Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/10/2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn là bà Phạm Thị L trình bày:

Bà Phạm Thị L và ông Lê Hữu T tự tìm hiểu và tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn vào năm 2015 tại Ủy ban nhân dân phường VH, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, Ninh Thuận.

Quá trình chung sống với nhau thường xuyên cãi vã, xảy ra nhiều mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, không thể chung sống với nhau được. Hai người đã ly thân để tự kiểm điểm lại bản thân và xem có thể còn hàn gắn được với nhau không,

nhưng đến nay đã gần 10 tháng cả hai vẫn không hàn gắn và không còn quan tâm đến nhau. Nay bà L thấy tình cảm vợ chồng không còn, đã không ở với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà làm đơn yêu cầu ly hôn ông T.

Về con chung: bà L và ông T có con chung là cháu Lê Phạm Hồng T1, sinh ngày 15/02/2016, hiện bà L đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà L yêu cầu được nuôi cháu T1, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà L tự thỏa thuận về tài sản và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn là ông Lê Hữu T có hộ khẩu và nơi ở tại Kp5, phường ĐL, tp Phan Thiết. Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo hòa giải theo luật định nhưng ông Lê Hữu T không đến Tòa làm việc. Khi Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử thì ông T có đơn xin xét xử vắng mặt, trong đó ông T nêu ông đồng ý ly hôn, đồng ý giao con cho bà L nuôi, tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và HĐXX là đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định. Đề nghị chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho ly hôn và giao con chung cho nguyên đơn nuôi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Xét yêu cầu ly hôn, nuôi con của bà Phạm Thị L là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Lê Hữu T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu ly hôn của bà L, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà L và ông T quá trình chung sống với nhau thường xuyên cãi vã, xảy ra nhiều mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, không thể chung sống với nhau được. Hai người đã ly thân để xem có thể còn hàn gắn được với nhau không, nhưng đến nay đã gần 10 tháng cả hai vẫn không hàn gắn và không còn quan tâm đến nhau. Quá trình giải quyết, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông T lên làm việc và hòa giải nhưng ông T vắng mặt. Khi Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử thì ông T có đơn xin xét xử vắng mặt, trong đó ông T nêu ông đồng ý ly hôn, đồng ý giao con cho bà L nuôi. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà L và ông T đã trầm trọng, đời sống hôn nhân thực tế

không còn, ông T cũng đồng ý ly hôn bà L. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L.

Về con chung: Xét yêu cầu giải quyết việc nuôi con của bà L, bà L yêu cầu được nuôi con chung là cháu Lê Phạm Hồng T1, sinh ngày 15/02/2016, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, hiện bà L đang nuôi cháu T1. Ông T trong đơn xin vắng mặt cũng đồng ý để bà L nuôi con chung. Do đó HĐXX chấp nhận giao con chung cho bà L nuôi. Bà L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà L và ông T không yêu cầu nên Tòa không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: bà Phạm Thị L là nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, 56, 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị L. Bà Phạm Thị L được ly hôn ông Lê Hữu T.

2. Về con chung: Giao cho bà Phạm Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Phạm Hồng T1, sinh ngày 15/02/2016. Ông T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Về án phí: bà Phạm Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Bà L đã nộp đủ tiền án phí theo biên lai thu tạm ứng số 0023776 ngày 05/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết.

Trường hợp bản án có hiệu lực được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (24/4/2019). Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKS tp Phan Thiết;
- THA tp Phan Thiết;
- Nơi thực hiện việc ĐKKH
- Đương sự;
- Lưu.

TM, HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

PHẠM THÁI BÌNH